

Số: 12/2004/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**  
**Về tổ chức bộ máy và chính sách, chế độ đối với Công an xã**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về Công an xã và Thông tư số 08/1999/TT-BCA (V19) ngày 10 tháng 8 năm 1999 của Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Công an thành phố tại Công văn số 1123/CATP (PV28) ngày 18 tháng 11 năm 2003, Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 5302/TC-QHPX ngày 10 tháng 12 năm 2003 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 174/SNV ngày 30 tháng 12 năm 2003;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.-** Nay quy định cơ cấu tổ chức và chính sách, chế độ cho lực lượng Công an xã, như sau:

**1- Về tổ chức Công an xã:**

Tổ chức Công an xã gồm có: Trưởng Công an xã, Phó Trưởng Công an xã và Công an viên.

Căn cứ đặc điểm cấu trúc dân cư, yêu cầu của việc bảo đảm an ninh- trật tự, an toàn xã hội của địa bàn theo 3 loại: Xã loại 1, xã loại 2 và xã loại 3 (danh sách kèm theo) để bố trí lực lượng Công an xã cho phù hợp.

**2- Về bố trí lực lượng Công an xã:**

**2.1- Xã loại 1:**

- Ban Chỉ huy: Trưởng Công an, 02 Phó Trưởng Công an chính quy.

- Tổ Thường trực: Bố trí từ 04 đến 06 Công an chính quy.

- Tổ địa bàn: Bố trí theo ấp, Cảnh sát khu vực phụ trách (400 - 500 hộ).

**2.2- Xã loại 2:**

- Ban Chỉ huy: Trưởng Công an, 02 Phó Trưởng Công an chính quy.
- Tổ Thường trực: 02 Công an chính quy, 02 Công an viên.
- Tổ địa bàn: Bố trí theo ấp (ấp loại 1: Bố trí Công an chính quy), ấp có quy mô dân số trên 2.000 người, cứ thêm 1.000 người bố trí thêm 01 Công an viên.

### 2.3- Xã loại 3:

- Ban Chỉ huy: Trưởng Công an, 01 Phó Trưởng Công an chính quy và 01 Phó Trưởng Công an bán chính quy.
- Tổ Thường trực: Bố trí 03 Công an viên.
- Tổ địa bàn: Bố trí theo ấp, ấp có quy mô dân số trên 2.000 người, cứ thêm 1.000 người bố trí thêm 01 Công an viên.

### 3- Về chính sách, chế độ đối với Công an xã:

3.1- Lực lượng Công an chính quy của xã được hưởng lương theo ngành dọc; đối với các Phó Trưởng Công an xã bán chính quy và Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng quy định tại Quyết định số 113/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức trợ cấp hoạt động phí hàng tháng đối với Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó các Đoàn thể phường-xã, thị trấn; mức phụ cấp đối với Công an viên, cán bộ chuyên trách Hội Chữ thập đỏ và trợ cấp cho chức danh thống kê trong Ban Chỉ huy Quân sự phường-xã, thị trấn.

3.2- Trợ cấp trang phục hàng năm cho Phó Trưởng Công an bán chính quy và Công an viên là 556.000 đồng/người.

3.3- Trong thời gian tham gia lực lượng Công an viên xã, ấp được tạm hoãn nghĩa vụ lao động công ích hàng năm (theo điểm 11, Điều 5, Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích).

3.4- Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

3.5- Trong thời gian huấn luyện tập trung, công tác khẩn cấp dài ngày được hưởng thêm phụ cấp, cứ mỗi ngày huấn luyện được bồi dưỡng thêm tương đương giá trị ngày công lao động phổ thông. Nếu có tham gia những đợt công tác cao điểm được hưởng chế độ theo quy định.

Trong thời gian công tác chống tội phạm, thực hiện chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn được hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

3.6- Kinh phí thanh toán điện thoại theo thực chi trên tinh thần tiết kiệm (theo quy định tại Thông tư số 98/1998/TT-BTC ngày 14 tháng 7 năm 1998 của Bộ Tài chính).

3.7- Kinh phí trả phụ cấp hàng tháng, trợ cấp trang phục hàng năm và kinh phí hoạt động liên quan nêu trên của Phó Trưởng Công an xã, Công an viên

ở xã và ấp do ngân sách đài thọ (cân đối từ ngân sách huyện), nếu thiếu Sở Tài chính cân đối điều tiết từ ngân sách thành phố.

**Điều 2.-** Các quy định khác đối với Công an xã thực hiện theo Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ và Thông tư số 08/1999/TT-BCA (V19) ngày 10 tháng 8 năm 1999 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về Công an xã.

**Điều 3.-** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 06/2000/QĐ-UB-NC ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định cơ cấu tổ chức và chế độ phụ cấp đối với lực lượng Công an xã.

**Điều 4.-** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- VP Thành ủy và Ban An ninh Nội chính TU;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Y tế;
- VPHĐ-UB: CPVP;
- Tổ NC, VX;
- Lưu (VX/Nh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Hải**

**DANH SÁCH CÁC XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12/2004/QĐ-UB ngày 03/02/2004  
của Ủy ban nhân dân thành phố).

**1. Xã loại 1 có 14 xã gồm:**

1.1- Huyện Bình Chánh (04 xã): Xã Tân Kiên, xã Bình Chánh, xã Bình Hưng, xã Phong Phú.

1.2- Huyện Củ Chi (02 xã): Xã Tân Thông Hội, xã Tân Thạnh Đông.

1.3- Huyện Hóc Môn (07 xã): Xã Bà Điểm, xã Xuân Thới Thượng, xã Tân Thới Nhì, xã Thới Tam Thôn, xã Tân Xuân, xã Trung Chánh, xã Xuân Thới Đông.

1.4- Huyện Nhà Bè (01 xã): Xã Phú Xuân.

**2. Xã loại 2 có 18 xã gồm:**

2.1- Huyện Bình Chánh (08 xã): Xã Phạm Văn Hai, xã Lê Minh Xuân, xã Vĩnh Lộc A, xã Vĩnh Lộc B, xã Tân Nhựt, xã Đa Phước, xã Qui Đức, xã An Phú Tây.

2.2- Huyện Cần Giờ (02 xã): Xã Bình Khánh, xã Long Hòa.

2.3- Huyện Củ Chi (03 xã): Xã Tân Phú Trung, xã Tân An Hội, xã Phú Hòa Đông.

2.4- Huyện Hóc Môn (02 xã): Xã Đông Thạnh, xã Tân Hiệp.

2.5- Huyện Nhà Bè (03 xã): Xã Hiệp Phước, xã Long Thới, xã Phước Kiển.

**3. Xã loại 3 có 26 xã gồm:**

3.1- Huyện Bình Chánh (03 xã): Xã Bình Lợi, xã Hưng Long, xã Tân Quý Tây.

3.2- Huyện Cần Giờ (04 xã): Xã Tam Thôn Hiệp, xã Thạnh An, xã An Thới Đông, xã Lý Nhơn.

3.3- Huyện Củ Chi (15 xã): Xã Phước Hiệp, xã Phước Thạnh, xã Thái Mỹ, xã Trung Lập Hạ, xã Trung Lập Thượng, xã An Nhơn Tây, xã An Phú, xã Phú Mỹ Hưng, xã Nhuận Đức, xã Phạm Văn Cội, xã Trung An, xã Hòa Phú, xã Bình Mỹ, xã Tân Thạnh Tây, xã Phước Vĩnh An.

3.4- Huyện Hóc Môn (02 xã): Xã Xuân Thới Sơn, xã Nhị Bình.

3.5- Huyện Nhà Bè (02 xã): Xã Phước Lộc, xã Nhơn Đức./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**